TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **22**/2019/LĐ-PT Ngày 13 - 11 - 2019 *V/v: "Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 18/2019/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội*".

Do bản án lao động sơ thẩm số 25/2018/LĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tôn Thị Ngọc T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thế P**, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2018).

Địa chỉ: Số Z, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần H.**

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1968 (Theo giấy ủy quyền số 56/UQ-CPHV ngày 15/6/2018).

Địa chỉ: Số Y, tổ H, khu phố T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: Số X, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Minh T** – Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H**, sinh năm: 1976. Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018)

4. Người kháng cáo: Bà **Tôn Thị Ngọc T** – Nguyên đơn.

(Ông P có mặt; bà A, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Tôn Thị Ngọc T do ông Phạm Thế P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà T được Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty) nhận vào làm việc từ tháng 03/1992, Công ty không ký hợp đồng lao động cho bà. Đến tháng 02/2000 Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn là 12 tháng (02 lần), đến tháng 02/2004 Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn; tháng 01/2006, ký hợp đồng lao động không xác đinh thời hạn; Công việc làm là công nhân phân loại, chế biến thuốc lá, mức lương 6.120.000 đồng/tháng.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty H bố trí cho bà ngừng việc tổng cộng là 24 ngày, từ tháng 01/2017 đến tháng 9/2017 ngừng việc 79 ngày. Công ty trả lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định từng năm, cụ thể năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/ tháng.

Mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động số 290/HĐLĐ-CPHV ngày 01/6/2016 giữa Công ty cổ phần H với bà T là: 6.120.000 đồng/tháng. Như vậy, tiền lương chênh lệch mà công ty trả cho bà T còn thiếu năm 2016 là 2.418.000đ, năm 2017 là 7.201.000đ.

Đồng thời, qua kiểm tra việc đóng BHXH tại cơ quan BHXH tỉnh Đồng Nai, đối chiếu với việc Công ty ký hợp đồng lao động với bà T từ tháng 02/2000, bà T thấy Công ty không đóng BHXH từ tháng 03/1992 đến hết tháng 01/2000 tổng cộng là 94 tháng, đã xâm phạm quyền lợi của bà T. Nay bà T yêu cầu Công ty truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 3/1992 đến tháng 01/2000 là 94 tháng với số tiền 6.120.000đ x 22% x 94 tháng = 143.000.000đồng, không đóng được thì thanh toán tiền cho bà.

Theo đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần bảo hiểm xã hội, theo đó bà đề nghị Tòa buộc Công ty cổ phần H có nghĩa vụ

lập thủ tục, hồ sơ đầy đủ để bà được cơ quan bảo hiểm xã hội công nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/1992 đến tháng 12/1994. Đối với khoảng thời gian làm việc từ ngày 01/01/1995 đến tháng 01/2000 bà đề nghị Công ty truy đóng BHXH với mức phí là: 61 tháng x 1,35 x 130.000đ x 20% = 2.141.100đ, giữ nguyên yêu cầu về thanh toán tiền chênh lệch tiền lương ngừng việc. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần H là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện về bảo hiểm xã hội:

Từ tháng 03/1992 đến tháng 01/2000 bà T có làm công việc theo thời vụ tại công ty với công việc là phân loại nguyên liệu thuốc lá, không có ký kết hợp đồng lao động hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ có báo trước cho người lao động biết trước 3 ngày.

Công việc chính của bà T trong thời gian này là phân loại, chế biến thuốc lá tại phân xưởng chế biến. Tiền lương trả theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng,…để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm, người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có ký nhận. Hiện nay công ty cũng không còn lưu giữ bảng lương thể hiện mức lương bà nhận trong thời gian này nên không biết là bao nhiêu. Do trong thời gian này bà T làm công việc theo mùa vụ nên công ty không có đóng BHXH, BHYT và bà T cũng không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì. Đến tháng 02/2000, công ty đã ký kết HĐLĐ xác định thời hạn với bà và từ đó đã đóng BHXH và BHYT đầy đủ cho đến nay. Căn cứ Bộ luật Lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước Công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng. Tại Thông tư số 06/TT-BLĐTB-XH ngày 04/4/1995 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều về Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ thì việc bà T khởi kiện yêu cầu Công ty phải truy đóng bảo hiểm xã hội hoặc trả tiền mặt cho bà T từ tháng 3/1992 đến tháng 01/2000, Công ty không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi trả tiền lương ngừng việc:

Số ngày bà T ngừng việc trong năm 2016, năm 2017, Công ty thống nhất như bà T đã trình bày. Công ty cổ phần Hòa Việt là đơn vị thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam là tiền thân của Công ty nguyên liệu thuốc lá Nam là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa năm 2005 nhưng vốn nhà nước vẫn

chiếm phần lớn. Đặc thù hoạt động của công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới có thu hoạch, sản xuất kinh doanh của công ty mang tính thời vụ. Đồng thời, do tác động của thị trường nguyên liệu thuốc lá trong nước và ngoài nước có sự cạnh tranh gay gắt nên tình hình tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá khó khăn ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của công ty. Mặt khác do ảnh hưởng tình hình thời tiết thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, Luật phòng chống tác hại thuốc lá cũng ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng, do đó quy mô đầu tư vùng nguyên liệu thuốc lá của công ty ngày càng thu hẹp. Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty ban hành ngày 26/4/2016, Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành về tiền lương. Công ty đã trả lương ngừng việc cho người lao động trong năm 2016 với mức lương là 3.500.000 đồng/tháng, năm 2017 với mức lương là 3.750.000 đồng/tháng. Công ty xác định đã trả lương ngừng việc cho bà T là đúng quy định của pháp luật nên Công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương Hoa đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Về yêu cầu của bà T đối với Công ty cổ phần H phải đóng BHXH cho bà từ tháng 03/1992 đến tháng 01/2000 (94 tháng), để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đề nghị Công ty cổ phần H và bà T phối hợp lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), BHTN, bảo hiểm tại nạn lao động – bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT để Bảo hiểm xã hội tỉnh có căn cứ truy thu và điều chỉnh số BHXH cho bà T.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 25/2018/LĐ-ST ngày 09/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị Ngọc T về "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 19/11/2018, nguyên đơn là bà Tôn Thị Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2018/LĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tôn Thị Ngọc T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà T 9.619.000 đồng tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Tôn Thị Ngọc T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Đinh Thị Phương H là đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà T:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà T về bảo hiểm xã hội:

Bà T cho rằng bà được Công ty nhận vào làm việc liên tục từ tháng 03/1992 đến tháng 01/2000 nhưng theo Công ty thì bà T làm việc theo mùa vụ. Theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam để lập hồ sơ truy đóng bảo hiểm xã hội thì phải có Hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan như: Quyết định nâng bậc lương, quyết

định tiếp nhận hoặc điều động, hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, bảng lương….tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận từ khi bà T vào làm việc từ tháng 03/1992 đến tháng 01/2000 giữa bà T và Công ty không ký hợp đồng lao động, hai bên cũng không cung cấp được bảng thanh toán tiền lương tương ứng với thời gian truy thu hoặc các giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm công việc. Việc bà T căn cứ vào danh sách những người lao động có thể hiện số năm, tháng tham gia làm việc tại Công ty của Công ty cổ phần H gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xin ý kiến cơ quan bảo hiểm xã hội cho truy đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động vào năm 2007, 2008 là không có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có văn bản số 4175/BHXH-BT ngày 07/11/2019 xác định trường hợp các bên không cung cấp được mức lương, chức danh nghề nghiệp hoặc những nội dung trong bản hợp đồng lao động.. theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội thì không có căn cứ để tính thời gian truy thu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu Công ty cổ phần H lập thủ tục hồ sơ để cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai công nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/1992 đến tháng 12/1994 và truy đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/1995 đến tháng 01/2000 với mức phí là 61 tháng x 1,35 x 130.000 đồng x 20% = 2.141.000đồng là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà T về phần này.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà T về tiền lương ngừng việc:

Bà T và Công ty thống nhất về số ngày ngừng việc là 103 ngày, cụ thể năm 2016 là 24 ngày; năm 2017 là 79 ngày, bà T yêu cầu Công ty phải trả tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, năm 2017 là 103 ngày số tiền là 9.619.000 đồng. Theo bà T lỗi ngừng việc là của Công ty nên Công ty phải trả đủ lương, còn theo Công ty cổ phần H xác định ngừng việc là do kinh tế. Từ khi Việt Nam phê chuẩn Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) của Tổ chức y tế thế giới, đồng thời do tác động của thị trường, ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai dịch bệnh, Công ty cổ phần H đã phải chấm dứt hoạt động nhiều chi nhánh, thu hẹp sản xuất nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo tài liệu chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập bổ sung do Thanh tra Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cung cấp thì Bản kết luận của Thanh tra Bộ lao động Thương binh và Xã hội có kiến nghị Công ty cổ phần H thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc. Do vậy, dù có khó khăn về kinh tế Công ty cổ phần H vẫn phải tiến hành thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc nhưng Công ty không thỏa thuận với người lao động là trái với quy

định tại khoản 3 Điều 98 của Bộ luật Lao động năm 2012. Như vậy, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần sửa án sơ thẩm về tiền lương ngừng việc, buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà T tiền lương ngừng việc còn thiếu trong năm 2016 là 24 ngày, năm 2017 là 79 ngày tổng số tiền là 9.619.000 đồng.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả lương ngừng việc nên Công ty cổ phần H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm; Bà T được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tôn Thị Ngọc T, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 25/2018/LĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 98, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị Ngọc T về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Tôn Thị Ngọc T 9.619.000 đồng (chín triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng) tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị Ngọc T về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

3. Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Bà Tôn Thị Ngọc T được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thu Hương